



Sử dụng các lớp xử lý Chuỗi, Ngày tháng, Toán học.

Bởi:

Khoa CNTT ĐHSP KT Hưng Yên

Mục tiêu:

Kết thúc bài học này, người học có thể.

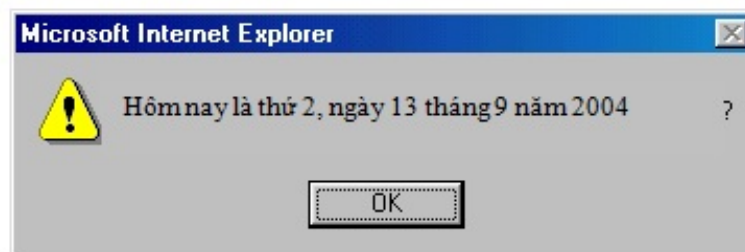
- Mô tả được công dụng của các lớp xử lý Chuỗi (String), xử lý ngày tháng (Date) và xử lý các hàm toán học Math.
- Sử dụng được một số phương thức, thuộc tính cơ bản của các lớp này.
- Vận dụng viết một số trang web đơn giản có sử dụng đến 3 lớp trên.

Nội dung:

Bài tập 1: Minh họa cách khai báo và sử dụng đối tượng **Date** để ngày giờ của hệ thống.

Yêu cầu: Hãy hiển thị ngày và giờ của hệ thống máy tính khi trang Web được nạp. Thông tin hiển thị ra có dạng như sau:

Hôm nay là thứ 2, ngày 13 tháng 9 năm 2004



Hướng dẫn: Sử dụng đối tượng Date và sử dụng các hàm lấy thứ, ngày, tháng, năm để in thông tin ra màn hình. Chú ý đến các hàm tính tháng, ngày trong tuần bị hụt một đơn vị.

Sử dụng các lớp xử lý Chuỗi, Ngày tháng, Toán học.

Bài tập 2: Minh họa sử khai báo và dùng đối tượng Date để lấy Giờ, phút, giây của hệ thống

Yêu cầu: Hiển thị Giờ và phút trong thanh tiêu đề của cửa sổ khi trang Web được nạp.

Hướng dẫn: Giá trị hiển thị trong thanh tiêu đề của trang web được lưu trong thuộc tính title của đối tượng document, do vậy để hiển thị thông tin trên thanh tiêu đề, bạn cần viết: **document.title = <Giá trị>**. Ví dụ, để hiển thị dòng chữ "Hello Every body !", bạn viết: **document.title "Hello Every body !"**

Minh họa:

```
<HTML>
```

```
<BODY>
```

```
<script language="JavaScript">
```

```
var D = new Date();
```

```
document.title = "Bây giờ là: " + D.getHours()+" giờ "+ D.getMinutes()+ " phút.";
```

```
</script>
```

```
</BODY>
```

```
</HTML>
```

Bài 3: Vận dụng biến đối tượng Date để tính tuổi của một người.

Yêu cầu : Cho người dùng nhập vào năm sinh của họ, sau đó hiển thị tuổi tương ứng.

Hướng dẫn: Sử dụng đối tượng Date để lấy năm hiện tại. Tuổi sẽ bằng năm hiện tại trừ đi năm sinh vừa nhập vào.

Minh họa mẫu:

```
<HTML>
```

```
<TITLE>Tính tuổi</TITLE>
```

```
<BODY>
```

```
<scriptlanguage="JavaScript">
```

Sử dụng các lớp xử lý Chuỗi, Ngày tháng, Toán học.

```
var D = new Date();  
  
var NamSinh, NamHienTai;  
  
NamHienTai = D.getFullYear(); // Lưu năm hiện tại vào biến  
  
NamSinh = prompt("Bạn sinh năm bao nhiêu ? : ", "");  
  
alert("Tuổi của bạn bây giờ là : " + (NamHienTai-NamSinh));  
  
</script>  
  
</BODY>  
  
</HTML>
```

Bài 4: Tương tự như bài 3 nhưng Năm sinh nhập vào không được lớn hơn năm hiện tại.

Hướng dẫn: Sử dụng vòng lặp **do...while** để yêu cầu nhập lại nếu năm sinh > năm hiện tại.

Minh hoạ mẫu:

```
<HTML>  
  
<TITLE>Tinh tuoi</TITLE>  
  
<meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=utf-8">  
  
<BODY>  
  
<script language="JavaScript">  
  
var D = newDate();  
  
var NamSinh, NamHienTai;  
  
NamHienTai = D.getFullYear(); //Lưu năm hiện tại vào biến  
  
do {  
  
NamSinh = prompt("Bạn sinh năm bao nhiêu : ", "");  
  
} while (parseInt(NamSinh)>NamHienTai); //Nhập lại nếu Năm sinh > năm hiện tại
```

Sử dụng các lớp xử lý Chuỗi, Ngày tháng, Toán học.

```
alert("Tuổi của bạn bây giờ là : " + (NamHienTai-NamSinh));
```

```
</script>
```

```
</BODY>
```

```
</HTML>
```

Bài 5: Minh họa cách đặt các câu lệnh JavaScript vào trong các phần tử HTML để thực thi khi người dùng click chuột và sử dụng hàm open của đối tượng window để mở trang web.

Yêu cầu: Viết đoạn Script cho người dùng nhập vào một số nguyên. Nếu người dùng nhập số 1 thì mở trang Web <http://www.vnn.vn>, nếu nhập số 2 thì mở trang <http://www.mail.yahoo.com>, nếu nhập số 3 thì mở trang <http://www.echip.com.vn>, còn nếu nhập một số khác với 1, 2 hay 3 thì mở trang <http://www.google.com>.

Hướng dẫn: Để mở một trang Web bất kỳ trong cửa sổ hiện hành bạn viết như sau:

```
window.open("Địa chỉ của trang cần mở").
```

Ví dụ : window.open(<http://www.vnn.vnn>) để mở trang chủ của VNN trong cửa sổ hiện tại.

Như vậy, để giải quyết yêu cầu của bài toán trên , bạn cần cho người dùng nhập vào một số và sử dụng cấu trúc **switch** để kiểm tra và mở trang web tương ứng.

Minh họa mẫu:

```
<HTML>
```

```
<TITLE>Mở trang web với hàm open của đối tượng window</TITLE>
```

```
<meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=utf-8">
```

```
<BODY>
```

```
<script language="JavaScript">
```

```
var LuaChon;
```

```
LuaChon = prompt("Bạn hãy nhập vào một số để mở trang web : ", 1);
```

```
switch (LuaChon)
```

Sử dụng các lớp xử lý Chuỗi, Ngày tháng, Toán học.

```
{  
  
case "1" : window.open("http://www.vnn.vn"); break;  
  
case "2" : window.open("http://www.mail.yahoo.com"); break;  
  
case "3" : window.open("http://www.echip.com.vn"); break;  
  
default : window.open("http://www.google.com");  
  
}  
  
</script>  
  
</BODY>  
  
</HTML>
```

Bài số 6: Minh họa việc khai báo và sử dụng biến đối tượng Array để lưu trữ danh sách và cách sử dụng các hàm của đối tượng Array như hàm **sort** và vòng lặp **for...in**

Yêu cầu: Cho người dùng nhập vào danh sách tên của một lớp, sau đó sắp xếp theo vần Alphabet rồi hiển thị danh sách đã sắp xếp đó ra màn hình, mỗi người trên một dòng.

Hướng dẫn: Sử dụng vòng lặp for để cho phép nhập danh sách họ tên và Lưu danh sách vào một mảng, sau đó sử dụng phương thức sort của đối tượng mảng để sắp xếp, tiếp theo dùng vòng lặp **for...in** để in các phần tử trong danh sách.

Minh họa mẫu:

```
<HTML>  
  
<TITLE>Sắp xếp mảng</TITLE>  
  
<meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=utf-8">  
  
<BODY>  
  
<script language="JavaScript">  
  
var SoLuong, x;  
  
var DS = newArray(100); // Khai báo mảng DS, có thể lưu tối đa là 100 phần tử
```

Sử dụng các lớp xử lý Chuỗi, Ngày tháng, Toán học.

```
SoLuong = prompt("Bạn cần nhập bao nhiêu người : ", 5);  
for (i=0; i < SoLuong; i++)  
{  
    DS[i] = prompt("Nhập vào họ tên : ", "");  
}  
  
// Gọi hàm sort của đối tượng mảng DS để sắp xếp  
  
DS.sort();  
  
//Hiển thị kết quả sau khi sắp (sort)  
  
document.write("<h1>Danh sách đã sắp xếp là </h1>");  
  
for (x in DS) /* Nên sử dụng cấu trúc for ... in này để duyệt mảng */  
{  
  
document.write( DS[x] );  
  
document.write("<BR>"); // Xuống dòng  
}  
  
</script>  
  
</BODY>  
  
</HTML>
```

*** Nhận xét: Nếu muốn sắp theo chiều giảm dần thì sau khi sort bạn gọi hàm reverse.

Bài số 7: Minh họa việc đưa các câu lệnh JS vào trong một thẻ khi người dùng **click** chuột.

Yêu cầu: Tạo một nút nhấn (Button) có name = "DangKy", value = "Đăng ký". Khi người dùng Click vào nút này thì thông báo là "**Đăng ký dịch vụ E-Mail**".

Sử dụng các lớp xử lý Chuỗi, Ngày tháng, Toán học.

Hướng dẫn: Đối với các phần tử HTML, như textbox, button, checkbox, Select v.v... Các trình duyệt đều cho phép ta thực thi một hoặc nhiều câu lệnh JavaScript khi người sử dụng click chuột lên các phần tử đó. Vấn đề ở chỗ, viết các câu lệnh đó như thế nào ?

Để viết các câu lệnh JavaScript khi người dùng click chuột lên một phần tử nào đó, trong thẻ của phần tử này, ta viết như sau: **OnClick = "Các câu lệnh JavaScript"**.

"Các câu lệnh JavaScript" ở đây là bất kỳ câu lệnh JavaScript nào và chúng phải được cách nhau bởi dấu chấm phẩy. Ngoài ra, các câu lệnh phải đặt trong cặp dấu nháy kép (Hoặc nháy đơn).

Ví dụ một số cách đưa câu lệnh JavaScript cần thực thi khi người dùng click chuột

1. Onclick = "alert('Hello world');"
2. OnClick = '**document.write**("Welcome to JavaScript");'
3. OnClick = "var x,y; x = 10; y = 20; alert('Tổng là : ' + (x + y)); "
4. OnClick = "var Tuoi; Tuoi = txtTuoi.value; KiemTra(Tuoi);"
5. OnClick = "KiemTra();"

Theo ví dụ trên, Khi người sử dụng Click :

1 : Thực hiện câu lệnh **alert('Hello world')**

2 : Thực hiện câu lệnh **document.write('Welcome to JavaScript');**

3 : Thực hiện NHIỀU câu lệnh JavaScript

4 : Thực hiện nhiều câu lệnh JavaScript và có lời gọi đến hàm KiemTra(Tuoi)

5 : Thực hiện câu lệnh gọi hàm KiemTra().

Minh hoạ mẫu:

<HTML>

<HEAD>

<TITLE>Minh hoạ đưa câu lệnh JavaScript vào các phần tử</TITLE>

<META http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=utf-8">

</HEAD>

<BODY>

Sử dụng các lớp xử lý Chuỗi, Ngày tháng, Toán học.

```
<INPUT type="button" name="DangKy" value="Đăng ký" onClick="alert('Dang ky E-Mail'); ">
```

```
</BODY>
```

```
</HTML>
```



Bài số 8: Minh họa cách thay đổi thuộc tính của một đối tượng thông qua việc viết các câu lệnh JavaScript.

Tạo một nút có name = ThayMauNen, value = "Thay đổi màu nền". Khi người dùng click chuột vào nút này thì thay đổi màu nền của trang Web thành màu "xanh".

Hướng dẫn: Để thay đổi màu nền của trang Web thành màu, ta cần thay đổi thuộc tính **document.bgColor** = "blue". (Màu đỏ là red, tím : magenta, đen: black, trắng: white, vàng: Yellow, tím nhạt: lavender). Như vậy, câu lệnh này sẽ được đặt trong phần onClick như sau:

```
<HTML>
```

```
<HEAD>
```

```
<TITLE>Thay mau nen bang click chuột</TITLE>
```

```
<META http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=utf-8">
```

```
</HEAD>
```

```
<BODY>
```

```
<h2>Thay đổi màu nền sử dụng đối tượng document</h2>
```

```
<INPUT type="button" name="ThayMauNen" value="Thay đổi màu nền"
```

```
onClick="document.bgColor = 'blue' ">
```


Sử dụng các lớp xử lý Chuỗi, Ngày tháng, Toán học.

</BODY>

</HTML>

Bài số 9: Minh họa việc đọc giá trị trong phần tử text và hiển thị ra màn hình

Yêu cầu: Tạo một hộp text có tên là HoTen. Một nút có tên là HienThi, value = "Hiển thị". Khi người dùng click vào nút HienThi thì hiển thị nội dung trong hộp text đó bằng hàm alert.

Hướng dẫn: Để lấy giá trị của một phần tử HTML nào đó, chúng ta viết

<Tên phần tử>.value

Trong đó: <Tên phần tử> chính là giá trị của thuộc tính name khi bạn tạo thẻ.

Ví dụ : - Hoten.value, DangKy.value, GioiTinh.value, Password.value v.v...

Minh họa :

<HTML>

<HEAD>

<TITLE>Đọc giá trị trong hộp text</TITLE>

</HEAD>

<BODY>

<h2>Hãy gõ văn bản vào trong hộp text và click vào nút Hiển thị</h2>

<INPUT type="text" name="HoTen" >

<INPUT type="button" name="HienThi" value="Hiển thị"
onClick="alert(HoTen.value); ">

</BODY>

</HTML>

≅ *Lưu ý:* Khi muốn lấy giá trị của phần tử nào đó bằng JavaScript thì bạn phải đặt cho nó một cái tên, như ví dụ ở trên, để lấy giá trị trong hộp text ta đã đặt cho hộp text này tên (name) là **HoTen**.

Sử dụng các lớp xử lý Chuỗi, Ngày tháng, Toán học.

Bài số 10: Minh họa việc thay đổi giá trị của hộp textbox

Yêu cầu: Tạo ra ba hộp text lần lượt tên là SoHang1, SoHang2, KetQua và một nút có tên là TinhTong, để thực hiện phép tính tổng. Khi người dùng nhập hai số hạng vào hộp SoHang1 và SoHang2, sau đó click vào nút TinhTong thì kết quả tổng sẽ được lưu vào trong hộp text KetQua.

Hướng dẫn: Để thay đổi giá trị một thuộc tính nào đó của phần tử HTML, bạn viết theo cách sau:

<Tên của phần tử>.<Tên thuộc tính> = <Giá trị mới>

Trong đó: Tên phần tử chính là giá trị của thuộc tính name khi bạn tạo thẻ.

Ví dụ: HoTen.value = "Đây là văn bản mới", DangKy.value = "Sign Up now", v.v...

<HTML>

<HEAD>

<TITLE>Thay đổi giá trị của thuộc tính</TITLE>

<META http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=utf-8">

</HEAD>

<BODY>

<h2>Hãy nhập hai số và click vào nút Tính tổng</h2>

<INPUT type="text" name="SoHang1" > +

<INPUT type="text" name="SoHang2"> =

<INPUT type="text" name="KetQua">

<INPUT type="button" value="Tính tổng"

onClick="KetQua.value = parseFloat(SoHang1.value) +
parseFloat(SoHang2.value)">

</BODY>

</HTML>

Sử dụng các lớp xử lý Chuỗi, Ngày tháng, Toán học.

? *Lưu ý*: - Giá trị lưu trong hộp text luôn là một chuỗi, do vậy để thực hiện phép cộng được đúng, bạn cần phải chuyển giá trị sang dạng số bằng hàm parseFloat (Hoặc parseInt) như ở trên.

- Việc thay đổi này có thể áp dụng cho các phần tử khác như button, checkbox, v.v...



Bài tập 11: Minh họa việc gọi hàm khi người dùng click vào một nút

Yêu cầu: Tạo ra 4 text có tên lần lượt là : MauNen, MauChu, TieuDe, TrangThai và một nút có tên là ThayDoi, value là "Thay đổi". Khi người dùng click vào nút ThayDoi thì màu nền, màu chữ, tiêu đề của tài liệu và thanh trạng thái của cửa sổ trình duyệt sẽ được thay đổi bằng các giá trị trong text tương ứng

Hướng dẫn: Bạn hoàn toàn có thể viết nhiều câu lệnh trong thuộc tính OnClick như các ví dụ trước, tuy nhiên nếu có nhiều lệnh thì chương trình trông không được sáng sủa cho lắm. Khi đó bạn có thể nhóm các câu lệnh vào trong một hàm và trong thuộc tính OnClick bạn chỉ việc gọi hàm này ra.

Minh họa mẫu

```
<HTML>
```

```
<HEAD> <TITLE>Thay đổi thuộc tính của trang Web</TITLE> </HEAD>
```

```
<SCRIPT language="JavaScript">
```

```
function CapNhat( )
```

```
{
```

```
document.title = TieuDe.value; /* Thay đổi tiêu đề của trang Web */
```

```
document.bgColor = MauNen.value; /* Thay đổi màu nền của trang */
```

Sử dụng các lớp xử lý Chuỗi, Ngày tháng, Toán học.

```
document.fgColor = MauChu.value; /* Thay đổi màu chữ của trang */  
window.defaultStatus = TrangThai.value; /* Thay đổi dòng trạng thái của cửa sổ */  
}  
</SCRIPT>  
<BODY>  
<h2>Nhập vào các giá trị và nhấn nút Thay đổi</h2>  
<INPUT type="text" name="TieuDe" value="Tiêu đề mới">  
<INPUT type="text" name="MauNen" value="Nhập màu vào đây (ví dụ blue)"> <BR>  
<INPUT type="text" name="MauChu" value="Nhập màu chữ vào đây (ví dụ white)">  
<INPUT type="text" name="TrangThai" value="Nhập dòng trạng thái vào đây ">  
<BR>  
<INPUT type="button" name="ThayDoi" value="Thay đổi" onClick="Ham();">  
</BODY>  
</HTML>
```

Nhận xét: Ở ví dụ trên, khi người dùng click chuột lên nút **ThayDoi** thì hàm **CapNhat()** sẽ được gọi.



Đối tượng String			
<p>Bất kỳ một biến chuỗi hoặc một hằng chuỗi đều được coi là một đối tượng chuỗi. Ví dụ ta có: <code>var s = "Hung Yen-Aptech", "JavaScript"</code> hay <code>var x = new String("Welcome to Aptech")</code> thì biến <code>s</code>, <code>x</code> và hằng <code>"Hung Yên - Aptech"</code> đều là các đối tượng chuỗi và đều có các phương thức và thuộc tính dưới đây.</p>			
Thuộc tính	Tên thuộc tính	ý nghĩa	Ví dụ
	length	Cho biết độ dài của một chuỗi x	<code>var x = "abc"; alert(x.length); // 3 alert("Aptech".length); // 6</code>
Phương thức	Tên phương thức	ý nghĩa	Ví dụ
	charAt(n)	Cho ta ký tự tại vị trí: n	<code>alert(s.charAt(0)); //H</code>
	indexOf(x)	Cho ta vị trí xuất hiện của chuỗi s trong chuỗi s. Nếu không thấy thì vị trí trả về là -1.	<code>s.indexOf("Aptech") -> 9 "Hello".indexOf("e") -> 1 "Java".indexOf("C") -> -1</code>
	lastIndexOf(x)	Cho ta vị trí cuối cùng của chuỗi x trong chuỗi s	<code>s.lastIndexOf("n") -> 7 "Hello".lastIndexOf("l") -> 3</code>
	substring(n1, n2)	Lấy ra một chuỗi con trong chuỗi s, lấy từ vị trí n1 đến n2 (số ký tự lấy ra là n2-n1 ký tự)	<code>s.substring(0,3) -> "Hun" s.substring(2,4) -> "ng" "Hello".substring(2,5) -> "llo"</code>
	toLowerCase()	Chuyển chuỗi s thành chữ thường	<code>s.toLowerCase() -> "hung yen-apttech" "Hello".toLowerCase()->"hello"</code>
	toUpperCase()	Chuyển chuỗi s thành chữ HOA	<code>s.toUpperCase() -> "HUNG YEN-APTECH" "Hello".toUpperCase() -> "HELLO"</code>
	big()	In to chuỗi s	<code>document.write(s.big()) document.write("abc".big())</code>
	bold()	In đậm chuỗi s	<code>document.write(s.bold()) document.write("abc".bold())</code>
	fontcolor(m)	In chuỗi s với màu m. ví dụ màu: "red", "blue" m"magenta" v.v..	<code>document.write(s.fontcolor("blue")) document.write("abc".fontcolor("red"))</code>
	fontsize(n)	In chuỗi s với kích cỡ font là n	<code>document.write(s.fontsize(30)) document.write("Java".fontsize(20))</code>
	strike()	In chuỗi s với đường gạch ngang	<code>document.write(s.strike())</code>
	sub()	In chuỗi s ở dưới dòng hiện tại	<code>document.write(s.sub()) document.write("H"+"2".sub()+"O")//H₂O</code>
	sup()	In chuỗi s ở trên dòng hiện tại	<code>document.write(s.sub()) document.write("x" + "2".sup());// -> x²</code>
	anchor(A)	Tạo một điểm neo, có tên là A, phần hiển thị là s.	<code>document.write(s.anchor("TOP"))</code>
link(A)	Tạo một liên kết đến điểm neo A, phần hiển thị là s	<code>document.write(s.link("#TOP")) document.write("Về đầu trang".link("#TOP"))</code>	

Đối tượng Math

Với đối tượng Math, Khi khai báo biến thuộc đối tượng này, bạn không được viết dạng như : `var m = new Math();` Khi muốn sử dụng các thuộc tính và phương thức của đối tượng này bạn gọi trực tiếp các thuộc tính và phương thức, ví dụ: `Math.sin(3.14)`, `Math.PI`, `Math.abs(x)` v.v...

	Tên thuộc tính	ý nghĩa	Ví dụ
Thuộc tính	PI	Cho ta hằng số PI (tức 3.14159)	<code>var BanKinh = 10;</code> <code>alert("Diện tích hình tròn là : " + Math.PI * BanKinh * BanKinh);</code>
	E	Cho ta hằng số E (= 2.718...)	<code>alert("Hằng số E là: " + Math.E)</code>
	SQRT2	Cho ta căn bậc 2 của 2 : (=1.4142)	<code>alert("Căn bậc 2 của 2 = " + Math.SQRT2);</code>
	SQRT1_2	Cho ta (căn bậc 2 của 2) / 2	<code>alert("Căn bậc 2 của 2 / 2 = " + Math.SQRT1_2);</code>
Phương thức	Tên phương thức	ý nghĩa	Ví dụ
	abs(x)	Cho ta trị tuyệt đối của x	<code>alert(Math.abs(-19)); // -> 19</code> <code>alert(Math.abs(-1.5)); // -> 1.5</code>
	sin(x), cos(x)	Tính sin và cos của x	<code>alert("Sin(1.5) = " + Math.sin(1.5));</code> <code>alert("Cos(0) = " + Math.cos(0));</code>
	sqrt(x)	Tính căn bậc hai của x	<code>alert("Căn 16 = " + Math.sqrt(16)); // 4</code>
	pow(x,y)	Tính x^y	<code>alert("6^2=" + Math.pow(6,2)); // ->36</code> <code>alert("9^0.5=" + Math.pow(9,0.5)); // 3</code>
	round(x)	Làm tròn số x. Nếu phần lẻ sau phần thập phân ≥ 0.5 thì bỏ phần thập phân và cộng thêm 1. Trái lại thì bỏ phần thập phân nhưng và không cộng gì	<code>alert(Math.round(3.5)); // ->4</code> <code>alert(Math.round(3.6)); // ->4</code> <code>alert(Math.round(3.49)); // ->3</code>
	max(a,b)	Cho ta giá trị lớn nhất trong hai số a và b	<code>var a = 10, b = 100;</code> <code>alert("Max(a,b) = " + Math.max(a,b)); // 100</code> <code>alert(Math.max(-1,2)); // ->2</code>
	min(a,b)	Cho ta giá trị nhỏ nhất trong hai số a và b	<code>var a = 10, b = 100;</code> <code>alert("Min(a,b) = " + Math.min(a,b)); // 10</code> <code>alert(Math.min(-1,2)); // ->-1</code>
	ceil(x)	Làm tròn số x, Nếu số x có phần thập phân thì phần thập phân bị cắt đi sau đó cộng thêm 1 vào x	<code>var x = 1.1, y = 2.5, z = 4.8;</code> <code>alert(Math.ceil(x),</code> <code>Math.ceil(y), Math.ceil(z)); // ->235</code>
	floor(x)	Làm tròn số x, nếu x có phần lẻ thập phân thì bị cắt đi, chỉ lấy phần nguyên.	<code>var x = 1.1, y = 2.5, z = 4.8;</code> <code>alert(Math.floor(x),</code> <code>Math.floor(y), Math.floor(z)); // ->124</code>

Đối tượng Date		
Khai báo biến thuộc đối tượng Date như sau: var <Tên biến> = new Date();		
Ví dụ ngày, giờ hiện tại là thứ hai 20/12/2004, 6h30' 20", ta có các kết quả sau:		
Tên phương thức	ý nghĩa	Ví dụ
getDay()	Lấy thứ hiện tại trong tuần (Chủ nhật ứng với 0, thứ hai ứng với 1, ..., thứ 7 ứng với 6)	var D = new Date(); alert(D.getDay()); //> 1
getDate()	Lấy ngày hiện tại	alert(D.getDate()); //>20
getMonth()	Lấy tháng hiện tại (0->tháng 1, 1-> tháng 2)	alert(D.getMonth()); //>11
getFullYear()	Lấy năm hiện tại	alert(D.getFullYear());//>2004
getHours()	Lấy giờ hiện tại (Tính theo 24 h)	alert(D.getHours());//>6
getMinutes()	Lấy phút hiện tại	alert(D.getMinutes());//>30
getSeconds()	Lấy giây hiện tại	alert(D.getSeconds());//>20
setDate(n)	Đặt ngày là n	D.setDate(10); alert("Bây giờ: "+D.getDate()); //10
các phương thức setYear(n), setHours(n) cũng làm tương tự. Chú ý, số n phải là số nguyên. và việc set đó chỉ làm thay đổi giá trị ngày, tháng năm, giờ, phút, giây ... của đối tượng Date chứ không làm thay đổi ngày giờ của hệ thống máy tính.		